

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 3 - 2024.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Thu Thảo.
- Ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: tổ A, khu phố F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn K, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: tổ A, khu phố F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà T trình bày:**

Bà và ông K tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, ông K đánh đập và chửi bới xúc phạm

bà vô cớ từ đó vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung là Trịnh Thị Khánh L, sinh ngày 24/11/2003 và Trịnh Duy N, sinh ngày 16/8/2007. Ly hôn đối với con chung Trịnh Thị Khánh L đã trưởng thành bà T không yêu cầu giải quyết, đối với con chung Trịnh Duy N bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông K quá trình giải quyết vụ án cung cấp bản khai trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông tự nguyện kết hôn với bà T và được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng ông có xảy ra cãi vã, nhiều lần ông uống rượu về có xúc phạm, đánh đập bà T. Nay bà T xin ly hôn thì ông không đồng ý, trường hợp bà T cương quyết ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: 02 con chung là Trịnh Thị Khánh L, sinh ngày 24/11/2003 và Trịnh Duy N, sinh ngày 16/8/2007. Ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung: Có 02 con chung là Trịnh Thị Khánh L, sinh ngày 24/11/2003 và Trịnh Duy N, sinh ngày 16/8/2007. Ly hôn đối với con chung Trịnh Thị Khánh L đã trưởng thành bà T không yêu cầu giải quyết, đối với con chung Trịnh Duy N giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông K cư trú tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2003. Căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà T khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông K xảy ra từ từ nhiều năm, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không chăm lo cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, đã ly thân với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K thừa nhận giữa hai vợ chồng ông có xảy ra cãi vã, xung đột, ông có đánh đập bà T. Ông K không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ lúc hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm nhau, sống ly thân cho đến nay ông cũng không có biện pháp gì để vợ chồng ông khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ với nhau.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông K là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Ông K có hành vi bạo lực gia đình làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của bà T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T, bà T được ly hôn với ông K.

[3] Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung là Trịnh Thị Khánh L, sinh ngày 24/11/2003 và Trịnh Duy N, sinh ngày 16/8/2007. Ly hôn đối với con chung Trịnh Thị Khánh L đã trưởng thành bà T không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Trịnh Duy N bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, ông K đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu N cũng mong muốn sống chung với bà T.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung Trịnh Duy N, sinh ngày 16/8/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn ông K được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông K khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà T khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn đối với ông Trịnh Văn K.

- Về con chung: Giao con chung Trịnh Duy N, sinh ngày 16/8/2007 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông K được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005594 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đ